## 1. Thông tin chung

Quy ước viết mã (Coding convention) là phong cách viết mã chuẩn để tất cả thành viên trong Team làm việc hiệu quả hơn.

Các khuyến cáo bao gồm các cách thức viết mã về:

1. Cách đặt tên
2. Mô tả giải thích
3. Cấu trúc & Cách tổ chức
4. Sử dụng ngôn ngữ

**2. Cách đặt tên:**

Lưu lý chung cho đặt tên

* Luôn luôn sử dụng 2 cách đặt tên là **Camel Case** hoặc **Pascal Case**
* Không đặt tên các biến khai báo cùng tên nhau mà chỉ khác nhau ở chữ hoa và chữ thường
* Không sử dụng tên bắt đầu với ký tự số
* Không sử dụng tên kết thúc với ký tự số
* Luôn luôn đặt tên có ý nghĩa cụ thể
* Tránh sử dụng từ viết tắt trừ khi quá dài
* Tránh viết tắt những từ nhỏ hơn 5 ký tự
* Tránh đặt tên các biến hoặc hàm trùng với hàm hoặc biến mặc định của Framework

VD: string int, public system

* Không thêm các tiền tố hoặc hậu tố không có nghĩa

VD:

public enum ColorsEnum {…}

public class CVehicle {…}

public struct RectangleStruct {…}

* Sử dụng các tiền tố biến boolen bằng “Is”, “Can”, “Has”
* Comment rõ rang và cụ thể
* Đối với các file class và các file khác đặt tên theo phương thức Pascal casing:

VD: MyMap.cs, JsonStore.cs.

**2.1. Đặt tên cho các lớp: Class** *(Viết hoa các chữ cái đầu tiên)*

public class HelloWorld

{

//…

}

**2.2. Đặt tên cho các phương thức: Method** *(Viết hoa các chữ cái đầu tiên)*

public void SayHello(string name)

{

//…

}

**2.3. Sử dụng tiền tố “I” interfaces**

VD: IEntity

**2.4. Đặt tên cho các Control** *(Tên tiền tố viết thường \_ Tên control viết hoa chữ cái đầu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Control Name** | **Abbreviations/ Prefixes** | **Remarks** |
| Form | wf |  |
| Textbox | txt |  |
| TextArea | txa |  |
| Checkbox | chk |  |
| Check Box List | chklst | chklst \_Currency |
| Label | lbl |  |
| Hidden Elements | hdn |  |
| Combo Box / Drop Down | cbo |  |
| Button | btn |  |
| Submit Button | smt |  |
| Reset Button | rst |  |
| Link Button | lbtn | lbtn\_Save |
| Image Button | ibtn | ibtn\_Exit |
| Password Field | pwd |  |
| Radio Button | opt |  |
| Radio Button List | optlst | optlst\_Select |
| List Box | lst |  |
| Frame | fra |  |
| Image | img |  |
| Pointer | ptr |  |
| Panel | pan,pnl | pnl\_Background |
| Place Holder | plh |  |
| Calendar | cal |  |
| Ad Rotator | adr |  |
| Table | tbl | tbl\_Appointments |
| Range Validator | rav,rgv |  |
| Regular Expression Validator | rev |  |
| Regular Field Validator | rfv |  |
| Compare Validator | cmv |  |
| Custom Validator | cuv,csv |  |
| Validation Summary | vsm |  |
| XML | xml | xml\_DataFile |
| File Field | fle |  |
| Literal | lit |  |
| Arraylist | arl |  |
| Hyperlink | hyp |  |
| DataGrid | dtg |  |
| DataList | dtl |  |
| Repeater | rpt | rpt\_Report |
| Flow Layout Panel | flp |  |
| Grid Layout Panel | glp |  |
| Horizontal Rule | hr |  |
| Crystal Report Viewer | crv,crvr | crv\_Report |

4. Các lưu ý chung về cấu trúc code

* Không bao giờ sử dụng nhiều hơn 1 namespace trên cùng 1 file
* Tránh đặt nhiều Class trong 1 file
* Luôn luôn sử dụng “{” và “}” trên một dòng mới
* Nên sử dụng các biến độc lập, tránh việc dùng lại nhiều lần biến
* Gắn thêm tên thư mục vào các namespace nằm sâu phía trong

VD: Pupil.PupilFile.PupilFileInfor (namespace nằm trong thư mục PupilFile phía trong thư mục Pupil

5. Sử dụng ngôn ngữ

* Chỉ nên sử dụng các biến dưới dạng Private. Nếu cần thiết dùng chúng thì mới sử dụng public, protected hoặc internal
* Chỉ sử dụng kiểu int đối với những giá trị lớn, nếu không thì nên sử dụng với kiểu long
* Hãy sử dụng kiểu double đối với những hàm có tính toán, tránh việc sử dụng kiểu delcimal
* Chỉ sử dụng float khi bạn hoàn toàn hiểu được dữ liệu tính toán
* Tránh việc gán trực tiếp các biến số vào hàm, nên sử dụng các biến Constan để định nghĩa chúng là comment rõ ràng

Int count = 10 // bad

Private constant int COUNT\_PUPIL = 10; // good

Int count = COUNT\_PUPIL;